



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HUNG HÀ**

Số: /BC- UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hung Hà, ngày tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, lập danh sách và tổng hợp nhu cầu dự toán kinh phí thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh trên địa bàn xã Hưng Hà

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.
- Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026–2030.
- Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt chủ trương:

- Ủy ban nhân dân xã Hưng Hà đã tổ chức hội nghị phổ biến, tuyên truyền và quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Kế hoạch số 296/KH-UBND của UBND tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, Trưởng các thôn, Ban công tác Mặt trận và đại diện các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã.
- Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với cơ sở thôn lập biểu mẫu, thu thập hồ sơ và tổng hợp số liệu.

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ LẬP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG

Thực hiện theo đúng quy trình, trình tự, niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa các thôn, UBND xã Hưng Hà đã tổ chức rà soát, lập danh sách các đối tượng thụ hưởng cụ thể như sau:

- 1. Nhóm 1: Hỗ trợ thêm thu nhập hằng tháng (Theo khoản 1 Điều 2 NQ 13/2026/NQ-HĐND)**

- Danh sách đã được lập theo đúng biểu mẫu (MS 2a, MS 03, MS 04, MS 05), có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và lãnh đạo UBND xã.

- Đã hoàn thành niêm yết công khai 03 ngày tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa các thôn, không phát sinh thắc mắc hay khiếu nại.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kính đề nghị Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, bổ sung dự toán kinh phí 144.500.000 đồng/tháng để xã Hưng Hà kịp thời thực hiện chi trả trợ cấp cho các đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định (trước ngày 10 hằng tháng).

2. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh / Bảo hiểm xã hội cơ sở phối hợp tiếp nhận danh sách 12 đối tượng hộ thoát nghèo để làm thủ tục cấp thẻ BHYT kịp thời.

Trên đây là kết quả rà soát, lập danh sách và tổng hợp nhu cầu dự toán kinh phí thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh trên địa bàn xã Hưng Hà./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Hà, ngày 16 tháng 8 năm 2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

HỖ TRỢ THÊM THU NHẬP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG THUỘC HỘ NGHÈO
(Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ thêm (Đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 2)						Quan hệ với chủ hộ(chủ hộ, vợ, chồng,	Họ và tên chủ hộ
				Mức trợ cấp thứ nhất đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Mức trợ cấp thứ hai đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Tổng cộng mức trợ cấp đang hưởng	Số tiền đề nghị cấp thêm (đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11
I	Thôn Đa Phú				500.000	-	-	500.000	1.000.000		-
1	Hoàng Thị Hiên	01/01/1949	034149013090	NĐ 176	500000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Hoàng Thị Hiên
II	Thôn Thống Nhất				1.000.000	-	-	1.000.000	2.000.000		-
2	Nguyễn Thị Giáp	01/06/1945	034145005472	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Giáp
3	Đinh Tiến Nhất	02/06/1956	034158013256	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Đinh Tiến Nhất
III	Thôn An Mỹ				2.500.000	-	-	2.500.000	5.000.000		-
4	Nguyễn Thị Nhàng	01/01/1955	034155001933	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Nhàng
5	Phạm Thị Loan	22/06/1955	034155013876	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Phạm Thị Loan
6	Nguyễn Văn Bộ	10/12/1949	034049006676	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Văn Bộ
7	Nguyễn Thị Len	17/07/1951	034151001517	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	vợ	Nguyễn Văn Bộ
8	Nguyễn Thị Tọ	01/01/1950	034150009534	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Tọ
IV	Thôn An Đình				1.500.000	-	-	1.500.000	3.000.000		-
9	Nguyễn Thị Máy	01/01/1936	034136004113	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Máy
10	Nguyễn Thị Đức	01/01/1934	034134006759	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Đức
11	Hoàng Thị Xuyên	08/05/1952	034152012917	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Hoàng Thị Xuyên
V	Thôn An Đồng				2.000.000	-	500.000	2.500.000	5.000.000		-

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ thêm (Đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 2)						Quan hệ với chủ hộ(chủ hộ, vợ, chồng,	Họ và tên chủ hộ
				Mức trợ cấp thứ nhất đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Mức trợ cấp thứ hai đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Tổng cộng mức trợ cấp đang hưởng	Số tiền đề nghị cấp thêm (đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11
12	Nguyễn Thị Biết	01/01/1938	034138004010	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Biết
13	Đặng Thị Liên	16/06/1946	034146001012	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Đặng Thị Liên
14	Phạm Thị Diên	01/01/1940	034140006016	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Phạm Thị Diên
15	Bùi Thị Hết	28/06/1950	034150006412	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Bùi Thị Hết
16	Nguyễn Thị Hằng	15/02/1978	034178003383			NĐ 20	500.000	500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Hằng
VI	Thôn Nhân Cầu				2.500.000	-	-	2.500.000	5.000.000		-
17	Phạm Thị Kim	01/01/1958	034158004437	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Phạm Thị Kim
18	Đào Thị An	20/07/1952	034152004765	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Đào Thị An
19	Nguyễn Thị Trang	01/01/1937	034137005326	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Trang
20	Trần Thị Nhân	01/01/1937	034137004913	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Trần Thị Nhân
21	Quách Thị Cứu	20/10/1951	034151007984	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Quách Thị Cứu
VII	Thôn An Xá				500.000	-	-	500.000	1.000.000		-
22	Trương Thị Lan	5/20/1951	034151013897	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000		Trương Thị Lan
VIII	Thôn Kim Sơn				2.500.000	-	1.500.000	4.000.000	6.500.000		-
23	Hoàng Thị Xuân	01/01/1970	034170011856			NĐ 20	500.000	500.000	1.000.000	chủ hộ	Hoàng Thị Xuân
24	Hoàng Thị Nguyệt	01/05/1966	034166017956	NĐ 20	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Hoàng Thị Nguyệt
25	Lương Thị Xép	01/01/1956	034156018356	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Lương Thị Xép
26	Nguyễn Văn Tòa	01/05/1949	034149003622	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Nguyễn Văn Tòa
27	Bùi Văn Thêm	03/09/1953	034053010576	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Bùi Văn Thêm
28	Lương Thị Nỗi	01/01/1949	034149012734	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	vợ	Bùi Văn Thêm
29	Đỗ Thị Hạnh	25/07/1966	034166015670			NĐ 20	1.000.000	1.000.000	500.000	chủ hộ	Đỗ Thị Hạnh
IX	Thôn Lập Bái				2.000.000	-	-	2.000.000	4.000.000		-

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã BDCN	Mức trợ cấp thù nhât đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Mức trợ cấp thù hai đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Tổng cộng mức trợ cấp đang hưởng	Số tiền để nghị cấp thêm (đ)	Họ và tên chủ hộ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
								-		
X	Thôn Trung Nghĩa				1.500.000	-	-	1.500.000	3.000.000	-
34	Lương Thị Mẫn	01/01/1954	034147008231	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Lương Thị Mẫn
35	Hà Thị Lê	01/04/1952	034152001796	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Hà Thị Lê
36	Lương Thị Nhân	01/03/1950	034150009699	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Lương Thị Nhân
XI	Thôn Hòa Bình				1.000.000	-	-	1.000.000	2.000.000	-
37	Nguyễn Thị Hè	20/9/1953	034153007946	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Nguyễn Thị Hè
38	Phạm Thị Liên	1/1/1931	034131005153	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Phạm Thị Liên
XII	Thôn Phan Thôn				1.500.000	-	-	1.500.000	3.000.000	-
39	Trần Thị Khánh	1/1/1937	034137003164	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Phạm Thị Xuân
40	Nguyễn Trọng Cường	10/05/1957	034052013314	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Nguyễn Trọng Cường
41	Phạm Thị Thơm	11/11/1954	034154015223	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Phạm Thị Thơm
XIII	Thôn Hồng Hợp				500.000	-	-	1.000.000	1.500.000	-
42	Nguyễn Thị Thiêm	01/01/1935	034135003538	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Nguyễn Thị Thiêm
43	Phạm Thị Súa	01/01/1959	034159000958				NĐ 20	1.000.000	1.000.000	em Phạm Thị Xiu
XIV	Thôn Hồng Lĩnh				1.000.000	-	-	500.000	1.500.000	-
44	Phạm Du Ưông	01/01/1943	034043003938	NĐ 176	500.000	NĐ 20	500.000	1.000.000	500.000	chủ hộ Phạm Du Ưông
45	Nguyễn Thị Ngân	15/12/1950	034150011283	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ Nguyễn Thị Ngân

Hỗ trợ thêm (Đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 2)

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ thêm (Đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 2)						Quan hệ với chủ hộ(chủ hộ, vợ, chồng,	Họ và tên chủ hộ
				Mức trợ cấp thứ nhất đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Mức trợ cấp thứ hai đang hưởng (1)	Số tiền (đ)	Tổng cộng mức trợ cấp đang hưởng	Số tiền đề nghị cấp thêm (đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11
XV	Thôn Văn Lang				1.000.000	-	-	1.000.000	2.000.000		-
46	Bùi Thị Út	01/01/1945	034145005525	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Bùi Thị Út
47	Mai Thị Nhanh	04/04/1953	034153016837	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Mai Thị Nhanh
XVI	Thôn Thượng Ngạn				-	-	1.000.000	1.000.000	500.000		-
48	Vũ Thị Hằng	18/2/1981	034481000487			ND 20	1.000.000	1.000.000	500.000	chủ hộ	Vũ Thị Hằng
XVII	Thôn Minh Khai				1.000.000	-	-	1.000.000	2.000.000		-
49	Bùi Văn Sự	10/10/1949	034049006345	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Bùi Văn Sự
50	Phạm Thị Nuôi	20/08/1953	034153009857	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	vợ	Bùi Văn Sự
XVIII	Thôn Hiến Nạp				1.000.000	-	-	1.000.000	2.000.000		
51	Phạm Văn Tuyển	01/01/1945	034045008933	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	chủ hộ	Phạm Văn Tuyển
52	Đinh Thị Tiểu	28/09/1946	034146002908	NĐ 176	500.000			500.000	1.000.000	vợ	Phạm Văn Tuyển
Cộng					23.500.000	-	4.500.000	28.000.000	50.000.000		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐẠI BIỆN ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM XÃ

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Hà, ngày 16 tháng 8 năm 2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

HỖ TRỢ THU NHẬP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG THUỘC HỘ NGHÈO
(Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ đủ (Đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 2)		Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ, vợ, chồng, con, ...)	Họ và tên chủ hộ
				Nhóm đối tượng (2)	Số tiền hỗ trợ (đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Thôn Đa phú			-	3.000.000		
1	Tạ Thị Phương Vy	07/04/2016	025316012239	Điểm đ, K2, Điều 2	1.500.000	con	Tạ Văn Đông
2	Tạ Văn Duy	27/09/2017	034217004910	Điểm đ, K2, Điều 2	1.500.000	con	Tạ Văn Đông
II	Thôn Thống Nhất			-	7.500.000		
3	Nguyễn Thị Minh Phượng	19/10/2010	034310002744	Điểm đ, K2, Điều 2	1.500.000	con	Nguyễn Thị Linh
4	Nguyễn Anh Hiếu	11/10/2013	034213004252	Điểm đ, K2, Điều 2	1.500.000	con	Nguyễn Thị Linh
5	Nguyễn Đức Trung	20/05/2016	034216016633	Điểm đ, K2, Điều 2	1.500.000	con	Nguyễn Thị Linh
6	Phạm Thị Loan	20/06/1957	034157019166	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	vợ	Đình Tiến Nhất
7	Vũ Thành Luân	29/08/2012	034212016575	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Vũ Thị Nường
III	Thôn An Mỹ			-	4.500.000		
8	Phạm Thanh Bình	11/05/2009	034209011826	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Phạm Thị Quý
9	Phạm Tiến Phúc	07/05/2006	034206002012	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Trương Thị Thu Bồn
10	Phạm Đức Thịnh	03/06/2008	034208007159	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Trương Thị Thu Bồn
IV	Thôn An Đình			1 -	1.500.000		

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ đủ (Đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 2)		Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ, vợ, chồng, con, ...)	Họ và tên chủ hộ
				Nhóm đối tượng (2)	Số tiền hỗ trợ (đ)		
11	Nguyễn Thị Bảo Như	07/08/2013	034313001939	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Thị Dung
V	Thôn Dân Chàng			-	3.000.000		
12	Đoàn Minh Sơn	17/10/2005	034205000921	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Đoàn Văn Trường
13	Đoàn Đức Hùng	6/11/2009	034209017589	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Đoàn Văn Thành
VI	Thôn An Đồng			-	6.000.000		
14	Dương Việt Hà	22/05/2022	034322007901	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Đặng Thị Liên
15	Phạm Ngọc Anh	09/03/2005	034205000995	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Phạm Thị Thanh
16	Nguyễn Ngọc Đạt	21/08/2005	034205000955	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Thị Hằng
17	Vũ Thị Thu Hà	08/07/2009	034309017052	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Thị Hằng
VII	Thôn An Xá			-	4.500.000		
18	Nguyễn Thị Hằng	10/06/1977	034177004625	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Hằng
19	Cao Nam Hà	9/8/1977	035077000096	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Cao Nam Hà
20	Cao Minh Quang	8/9/2011	034211014204	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Cao Nam Hà
VIII	Thôn Kim Sơn			-	21.000.000		
21	Hoàng Thị Xuân	01/01/1970	034170011856	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Hoàng Thị Xuân
22	Hoàng Thu Trang	03/04/2008	034308008331	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Hoàng Thị Xuân
23	Hoàng Phương Nam	25/07/2007	034207008952	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Hoàng Thị Nguyệt
24	Nguyễn Văn Chi	01/06/1964	034064005217	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	Chủ hộ	Nguyễn Văn Chi
25	Nguyễn Đức Cảnh	24/04/1992	034092009577	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Văn Chi
26	Đỗ Văn Thư	25/10/2014	034214009950	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Lương Thị Vân
27	Đỗ Anh Thơ	02/09/2016	034316011869	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Lương Thị Vân

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ đủ (Đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 2)		Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ, vợ, chồng, con, ...)	Họ và tên chủ hộ
				Nhóm đối tượng (2)	Số tiền hỗ trợ (đ)		
28	Đỗ Xuân Phúc	08/04/2018	034218013675	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Lương Thị Vân
29	Tạ Tiến Dũng	11/11/2013	034213003109	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	con	Lương Thị Phương
30	Lương Tiến Anh	09/03/2019	034219018541	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	con	Lương Thị Phương
31	Bùi Văn Thường	07/9/1984	034084023226	Điểm c, K2. Đ2	1.500.000	con	Bùi Văn Thêm
32	Bùi Đức Bình	22/06/2017	034217010337	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Bùi Văn Thêm
33	Bùi Đức An	08/12/2019	034219014383	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Bùi Văn Thêm
34	Hoàng Trọng Thắng	04/02/1998	034098003833	Điểm c, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Hoàng Trọng Thắng
IX	Thôn Lập Bái			-	1.500.000		
35	Ngô Hoàng Việt	19/04/2012	034212011973	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Lưu Thị Nhanh
X	Thôn Trung Nghĩa			-	1.500.000		
36	Hà Xuân Mai	18/05/2013	034157002958	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Hà Thị Vân
XI	Thôn Hòa Bình			-	1.500.000		
37	Nguyễn Duy Thường	18/12/2015	022215011500	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Nguyễn Thị Hề
XII	Thôn Phan Thôn			-	3.000.000		
38	Phạm Minh Quân	1/4/2016	034216009465	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	con	Phạm Đình Quang
39	Vũ Thị Hựu	6/1/1966	034166007078	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Vũ Thị Hựu
XIII	Thôn Hồng Hợp			-	7.500.000		
40	Nguyễn Văn Trung	1/14/2021	034221000255	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Phạm Thị Nhung
41	Nguyễn Văn Kiên	2/11/2023	034223001314	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Phạm Thị Nhung
42	Nguyễn Văn Công	2/28/2024	034224002349	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Phạm Thị Nhung
43	Nguyễn Gia Hân	10/13/2025	33325008571	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	cháu	Phạm Thị Nhung

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ đủ (Đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 2)		Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ, vợ, chồng, con, ...)	Họ và tên chủ hộ
				Nhóm đối tượng (2)	Số tiền hỗ trợ (đ)		
44	Nguyễn Thị Huê	03/4/1963	034163023696	Điểm c, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Nguyễn Thị Huê
XIV	Thôn Hồng Lĩnh			-	15.000.000		
44	Phạm Hà Anh	17/01/2017	034317008260	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	con	Phạm Thị Kế
45	Trần Thị Dương	29/7/1996	034196013774	Điểm c, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Trần Thị Dương
46	Nguyễn Hải Nam	09/5/2018	022218004943	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Trần Thị Dương
47	Nguyễn Hải Bình	01/6/2020	022220004319	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Trần Thị Dương
48	Phạm Dương Quang Vinh	06/12/2005	034205008508	Điểm e, K2. Đ2	1.500.000	con	Phạm Thị Thắng
49	Phạm Thùy Linh	12/5/2015	034315017311	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Phạm Thị Thắng
50	Trần Thiên Ân	27/4/2017	,034217002231	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Trần Quốc Đạt
51	Nguyễn Hoàng Bảo Hân	06/01/2017	034317000138	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Duy Đông
52	Nguyễn Bùi Thùy Dương	26/5/2015	034315005848	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Duy Đông
53	Nguyễn Hồng Diên	10/12/2017	034217000125	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000	con	Nguyễn Duy Đông
XV	Thôn Văn Lang			-	3.000.000		
54	Đinh Thị Phác	01/01/1972	034172010224	Điểm d, K2. Đ2	1.500.000	chủ hộ	Đinh Thị Phác
55	Đinh Vũ Xuân Lâm	16/11/2007	034207007213	Điểm đ, K2. Đ2	1.500.000		Vũ Thị Lâm
XVI	Thôn Thượng Ngạn			-	3.000.000		
56	Đinh Gia Phú	17/4/2012	34212007048	Đđ,k2,đ2	1.500.000	Con	Vũ Thị Hằng
57	Đinh Tiến Quang	18/7/2014	34214000494	Đđ,k2,đ2	1.500.000	Con	Vũ Thị Hằng
XVII	Thôn Thưởng Phúc			-	3.000.000		
58	Nguyễn Thị Hải Yến	12/2/2014	034314010165	Điểm e,k2,đ2	1.500.000	con	Nguyễn Đình Tuynh
59	Nguyễn Ngọc Hải	10/23/2019	034319009771	Điểm e,k2,đ2	1.500.000	con	Nguyễn Đình Tuynh

TT	Họ và tên đối tượng được hưởng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Hỗ trợ đủ (Đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 2)		Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ, vợ, chồng, con, ...)	Họ và tên chủ hộ
				Nhóm đối tượng (2)	Số tiền hỗ trợ (đ)		
XVIII	Thôn Thanh Tân			-	4.500.000		
60	Trần Thị Thông	10/04/1982	034182009183	Điểm d,k2,đ2	1.500.000	chủ hộ	Trần Thị Thông
61	Bùi Ngọc Huy	19/03/2008	034208005826	Điểm đ,k2,đ2	1.500.000	con	Trần Thị Thông
62	Lê Văn Phú	01/07/2011	034211007466	Điểm d,k2,đ2	1.500.000	con	Trần Thị Thông
Cộng					94.500.000		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐẠI BIỆN ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM XÃ

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HUNG HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hung Hà, ngày 16 tháng 8 năm 2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

HỖ TRỢ BẢO HIỂM Y TẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI THUỘC HỘ THOÁT NGHÈO
(Theo quy định tại Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên đối tượng được hỗ trợ	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	Quan hệ với chủ hộ	Họ và tên chủ hộ	Năm thoát nghèo (ghi rõ năm)	Ghi chú
1	Hoàng Kim Tuyến	10/27/2026	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con	Nguyễn Thị Nở	2025	Hòa bình
2	Trần Thị Chinh	10/1/1975	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	Chủ hộ	Trần Thị Chinh	2025	Trung Nghĩa
3	Hà Diệu Linh	12/12/1999	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con	Trần Thị Chinh	2025	Trung Nghĩa
4	Hà Thị Mỹ Duyên	2/20/2005	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con	Trần Thị Chinh	2025	Trung Nghĩa
5	Hà Văn Chiến	5/17/2010	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con	Trần Thị Chinh	2025	Trung Nghĩa
6	Lưu Văn Tiến	1/3/1971	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	Chủ hộ	Lưu Văn Tiến	2025	Trung Nghĩa
7	Nguyễn Thị Hiền	3/24/1971	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con	Lưu Văn Tiến	2025	Trung Nghĩa

TT	Họ và tên đối tượng được hỗ trợ	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	Quan hệ với chủ hộ	Họ và tên chủ hộ	Năm thoát nghèo (ghi rõ năm)	Ghi chú
8	Lưu Văn Đạt	6/29/1995	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con	Lưu Văn Tiến	2025	Trung Nghĩa
9	Nguyễn Ngọc Khánh	9/9/2026	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	Chủ hộ	Nguyễn Ngọc Khánh	2025	Hồng Hợp
10	Nguyễn Thị Sách	1/1/1954	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	Chủ hộ	Nguyễn Thị Sách	2025	Hồng Hợp
11	Đường Thị Bảy	5/2/1970	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	Chủ hộ	Đường Thị Bảy	2025	Thanh Tân
12	Đặng Quang Vinh	6/2/2007	Trạm y tế xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	con		2025	Thanh Tân